

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-PT

Ngày 08 - 12 - 2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Anh Cường

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vinh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1949, có mặt;

Địa chỉ: Khu C, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965, có mặt;

Địa chỉ: Khu C, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc.

- Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị L - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông M và bà Hoàng Thị L kết hôn ngày 13/7/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc. Ông bà kết hôn qua giới thiệu nên không có thời gian tìm hiểu, nhưng việc kết hôn là tự nguyện và

có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2017, bà L chuyển về phường B, thành phố V sinh sống cùng ông M. Đến tháng 01/2018, ông bà chuyển về sống tại Khu C, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ khi chuyển về chung sống cùng nhau, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M và bà L bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt. Do tuổi cao ông M đã cố gắng duy trì cuộc sống vợ chồng để bà L thay đổi, có cách sống phù hợp với gia đình nhưng mọi cố gắng của ông đều không đạt kết quả. Năm 2021, ông gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L nhưng bà L có nguyện vọng đoàn tụ nên ông đã rút đơn. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng của ông bà vẫn không thay đổi. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày: Bà xác định thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như ông M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn về chung sống cùng nhau bà đã chăm sóc ông M và nuôi dạy con riêng của ông M chu đáo, học hành thành đạt. Nay vợ chồng ông bà tuổi đã cao, cần nương tựa vào nhau khi về già nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông bà về đoàn tụ với nhau. Nếu ông M vẫn nhất quyết ly hôn thì bà đề nghị phải giải quyết vấn đề tài sản chung của vợ chồng xong rồi mới giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông M không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Về công sức trong thời gian chung sống, ông M có mua 01 thửa đất tại Khu C, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2017 ông M làm nhà, toàn bộ tiền mua đất và làm nhà nguồn tiền do ông M bán nhà đất là tài sản riêng của ông M tại phường B. Trong thời gian làm nhà bà L có đóng góp số tiền 50.000.000 đồng để cùng mua sắm nội thất trong gia đình. Bà xác định có công sức cùng ông M trong việc xây dựng nhà, nếu ly hôn bà đề nghị ông M thanh toán tiền công sức cho bà là 2.000.000.000 đồng. Ngoài ra, khi bà kết hôn với ông M, con trai riêng của ông M là cháu Nguyễn Ngọc S đang học lớp 8, trường THCS A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà đã chăm sóc và dạy dỗ cháu S nên khi ly hôn bà L đề nghị ông M thanh toán tiền công nuôi dưỡng cháu S số tiền là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền bà yêu cầu ông M phải thanh toán là 2.150.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật nhưng bà L không làm đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu chia tài

sản chung và công sức đóng góp, nuôi dưỡng. Còn ông M không đồng ý với yêu cầu của bà L.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T: Ông M và bà L có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường B sau đó mới chuyển về sinh sống tại Khu C thuộc phường T. Quá trình ông bà chung sống có xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Tổ trưởng tổ dân phố cho biết ông M và bà L có xảy ra cãi vã nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tuy nhiên không gây ra hậu quả nghiêm trọng nên chính quyền địa phương không lập biên bản gì. Nay ông M có đơn xin ly hôn bà L địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Xử cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Hoàng Thị L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2022, bà Hoàng Thị L có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm theo hướng bác đơn ly hôn của ông M vì bà không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, ông M không đồng ý hoà giải, bà L không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị L làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị L, Hội đồng xét xử thấy: Ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo luật định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó theo ông M trình bày thì vợ chồng có nhiều bất đồng do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có sự khác nhau trong cách sống, sinh hoạt do tuổi tác chênh lệch. Năm 2021, ông M đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó ông M rút đơn vợ chồng về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Tại phiên tòa phúc thẩm ông bà vẫn luôn xảy bất đồng về quan điểm, ông M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể sống chung, “nếu chết ông cũng ly hôn”. Bà L cho rằng ông bà đã kết hôn thì không ly hôn và thừa nhận vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống nhưng vẫn mong muốn được chung sống với ông M. Quá trình giải quyết vụ án, bà L không đồng ý ly hôn ông M nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, khi tiến hành hoà giải và tại phiên tòa ông bà có những lời nói không tốt về nhau, luôn kể tội lẫn nhau. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T nơi ông M và bà L sinh sống, tổ trưởng tổ dân phố Vạn Cát cũng cho biết ông M và bà L có xảy ra cãi vã nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, có mời ông tới can thiệp tuy nhiên không có hậu quả gì nghiêm trọng xảy ra nên chính quyền địa phương không lập biên bản gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân của ông M và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M là có căn cứ.

Về con chung: Ông bà không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bà L yêu cầu ông M phải thanh toán cho bà số tiền 2.150.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng bà không nộp đơn yêu cầu tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Hiện bà L đã khởi kiện yêu cầu thanh toán công sức bằng vụ án khác, Tòa án nhân dân thành phố V đang thụ lý giải quyết.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét

xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, cho ông M được ly hôn với bà L là phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị L. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Hoàng Thị L.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004656 ngày 10/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường